

BÁO CÁO **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH** **NHÀ NƯỚC NĂM 2014**

I. Đặc điểm tình hình chung:

Năm 2014 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội 5 năm 2011 – 2015. Là năm có nhiều khó khăn về kinh tế của cả nước, của Tỉnh và Thành phố Đồng Hới nói riêng. Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, lạm phát, giá cả một số mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu tiếp tục tăng; việc tiếp cận nguồn vốn của các doanh nghiệp vẫn đang rất khó khăn, tình hình thị trường đất đai tiếp tục trầm lắng... đã tác động đến tình hình KT-XH và thực hiện dự toán ngân sách năm 2014 của thành phố. Nhưng được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Đồng Hới, sự chỉ đạo giúp đỡ của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành cấp Tỉnh và sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và nhân dân vì vậy Thành phố đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng, văn hóa xã hội có tiến bộ, quốc phòng an ninh được giữ vững. Tuy vậy, những khó khăn trên đã ảnh hưởng đến tình hình thực hiện dự toán ngân sách trên địa bàn và thu chi trong cân đối ngân sách của thành phố.

II. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Thành phố năm 2014:

1. Nhiệm vụ thu NSNN:

Năm 2014, Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện: 588.505 triệu đồng đạt 120,79% dự toán thành phố giao và đạt 130,81% dự toán tỉnh giao tăng 48,2% so với cùng kỳ (Có phụ lục số 01 kèm theo).

Cụ thể các khoản thu như sau:

*** Thu ngoài quốc doanh giao Cục thuế thu, thành phố được hưởng theo phân cấp:**

Năm 2014, thu ngoài quốc doanh các doanh nghiệp giao Cục thuế quản lý thu thành phố được hưởng điều tiết theo quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 22/11/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình năm 2011 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước là: 15.332 triệu đồng, cụ thể các khoản thu sau:

+ Thuế môn bài:	737 triệu đồng
+ Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước:	14.339 triệu đồng.

+ Phí khoáng sản:

225 triệu đồng

*** Thu Ngân sách nhà nước do Chi cục thuế quản lý thu:**

Tổng thu ngân sách nhà nước do chi cục thuế quản lý thu: 588.505 triệu đồng đạt 120,79% dự toán thành phố giao và đạt 130,81% dự toán tỉnh giao tăng 48,2% so với cùng kỳ (Có phụ lục số 01 kèm theo), cụ thể:

- Thu DNNN địa phương: Thực hiện 3.136 triệu đồng, đạt 156,8% dự toán thành phố và dự toán tỉnh giao, tăng 141,98% so với thực hiện cùng kỳ.

- Thu ngoài quốc doanh: Thực hiện 82.086 triệu đồng, đạt 102,61% dự toán thành phố và dự toán tỉnh giao, bằng 108,07% so với thực hiện cùng kỳ. Đây là khoản thu thuế quan trọng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu ngân sách của thành phố. Năm 2014, mặc dù do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế và việc thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thuế theo Nghị quyết 02/CP của Chính phủ về giảm, gia hạn một số khoản thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến kết quả thu khoản thuế này.

- Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện 59.159 triệu đồng đạt 101,13% dự toán thành phố giao và đạt 102% dự toán tỉnh giao, bằng 104,51% so với cùng kỳ.

- Thuế SD đất phi nông nghiệp: Thực hiện 6.404 triệu đồng, đạt 116,44% dự toán thành phố giao và đạt 128,08% dự toán tỉnh giao, bằng 139,95% so với thực hiện cùng kỳ.

- Thu tiền cấp quyền sử dụng đất: Thực hiện 378.899 triệu đồng đạt 145,17% dự toán thành phố và dự toán tỉnh giao, bằng 190,21% so với cùng kỳ. (Chưa kể ghi thu ghi chi hạ tầng tạo nguồn quỹ đất của thành phố) Trong đó Tỉnh ghi thu ghi chi: 132.000 triệu đồng; Thành phố ghi thu ghi chi ước: 15.135 triệu đồng. Dự toán đầu năm ghi thu ghi chi đầu tư hạ tầng: 29.473 triệu đồng (ở phần thu chi theo mục tiêu). Như vậy, số thu tiền sử dụng đất thực tế nộp ngân sách để tính hưởng điều tiết 246.899 triệu đồng. Khoản thu này rất quan trọng đối với đại phương vì có đóng góp lớn trong thu ngân sách hàng năm, dự toán hàng năm chiếm tỷ lệ lớn (chiếm trên 50% tổng thu). Tuy nhiên nguồn thu này không mang tính bền vững vì quỹ đất có hạn do vậy thành phố đang chú trọng phát triển và gia tăng nguồn thu khác ổn định hơn.

- Thu tiền thuê đất: Thực hiện 4.035 triệu đồng, đạt 57,64% dự toán thành phố và đạt 96,07% dự toán tỉnh giao, bằng 126,53% so với thực hiện cùng kỳ. (dự toán giao phần các đơn vị đóng trên địa bàn do Chi cục thuế quản lý thu). Khoản thu này đạt thấp là do thành phố giao cao.

- Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 10.666 triệu đồng, đạt 117,21% dự toán thành phố và đạt 118,51% dự toán tỉnh giao, bằng 117,6% so với thực hiện cùng kỳ.

- Thu phí và lệ phí: Thực hiện 4.348 triệu đồng đạt 143,78% dự toán thành phố và đạt 217,4% dự toán tỉnh giao, bằng 133,87% so với thực hiện cùng kỳ. Trong đó:

- + Phí, lệ phí thành phố thu 639 triệu đồng.
- + Phí, lệ phí xã phường thu: 2.282 triệu đồng.
- + Phí bảo vệ môi trường : 1.426 triệu đồng.

Khoản thu này tăng cao so với dự toán giao là do năm 2014 UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung tỷ lệ điều tiết khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản do đơn vị thuộc tỉnh quản lý tại quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình .

- Thu tại xã: Thực hiện 3.625 triệu đồng đạt 174,53% dự toán thành phố và đạt 213,24% dự toán tỉnh giao, bằng 115,15% so với thực hiện cùng kỳ. Bao gồm thu hoa lợi công sản, thu tiền đền bù do thu hồi đất, Thu thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt, các khoản thu khác tại xã. Khoản thu này tăng cao so với dự toán giao là do có khoản thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

- Thu khác ngân sách: Thực hiện 7.625 triệu đồng, đạt 71,06% dự toán thành phố và đạt 152,5% dự toán tỉnh giao. Khoản thu này giao cao so với năm trước là có khoản thu đấu giá ki ốt chợ Đông Hới.

- Thu chi theo mục tiêu: Thực hiện 28.042 triệu đồng đạt 58,09% dự toán thành phố và đạt 127,46% dự toán tỉnh giao, bằng 71,93% so với thực hiện cùng kỳ. Khoản thu này ghi thu ghi chi chi phí xây dựng hạ tầng tạo nguồn quỹ đất của thành phố thực hiện 15.135 triệu đồng. Cụ thể các khoản thu:

+ **Thu đóng góp của nhân dân:** Tổng thu: 7.659 triệu đồng đạt 65,69% dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao đạt 68,2% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là khoản thu đóng góp tự nguyện của nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như đường giao thông quy mô nhỏ, vỉa hè...

+ **Thu học phí (ghi thu ghi chi):** Tổng thu 5.165 triệu đồng đạt 99,98% dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, đạt 104,15% với với cùng kỳ .

+ **Chi phí hạ tầng tạo nguồn quỹ đất (ghi thu ghi chi):** 15.135 triệu đồng.

Tóm lại: Năm 2014 thu ngân sách đã đạt và vượt dự toán giao trên hầu hết các nội dung thu, đã khai thác được những nguồn thu phù hợp với thực tế của địa phương. Chính quyền địa phương đã có sự chỉ đạo các cấp, các ngành trong quản lý thu ngân sách địa phương.

2. Nhiệm vụ chi ngân sách Nhà nước:

Tổng chi Ngân sách Thành phố thực hiện: 545.907 triệu đồng (có phụ lục số 02 kèm theo) trong đó:

2.1. Chi trong kế hoạch (dự toán):

Tổng chi: 371.694 triệu đồng, ước đạt 108,43% dự toán giao. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển: 107.131 triệu đồng, đạt 135,97% so với dự toán giao. Tăng so với dự toán giao là trong năm có nguồn chi chuyển nguồn năm 2013 sang năm 2014, nguồn vượt thu quỹ đất năm 2014.

- Chi thường xuyên: 261.331 triệu đồng, đạt 98,66% so với dự toán giao, trong đó:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 10.800 triệu đồng đạt 95,21% dự toán giao. Các khoản chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo, sự nghiệp y tế, văn hóa, thể dục thể thao, truyền thanh truyền hình, an ninh, quốc phòng, quản lý nhà nước đều đảm bảo chi theo dự toán.

+ Các khoản chi khác ngân sách đạt 95,38% dự toán giao.

+ Chi dự phòng ngân sách phục vụ cho công tác phòng chống bão lụt, dịch bệnh; Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất... góp phần quan trọng để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

+ Các khoản chi theo mục tiêu: 20.893 triệu đồng đạt 57,07% so với dự toán. Khoản chi này đạt thấp do dự toán giao chi phí xây dựng hạ tầng tạo nguồn quỹ đất cao chỉ đạt 51,35% so với dự toán giao.

2.2. Chi ngoài kế hoạch:

Tổng chi thực hiện: 116.886 triệu đồng đạt 91,27%. Khoản chi này gồm: Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2013 sang 2014; Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của Tỉnh năm 2014; Chi từ nguồn kết dư ngân sách năm 2013.

2.3. Chi bổ sung cho ngân sách xã phường:

Tổng chi thực hiện triệu đồng đạt 100% dự toán.

Tóm lại, năm 2014 trong điều kiện gặp nhiều khó khăn về kinh tế tác động đến các mặt của đời sống kinh tế xã hội, việc triển khai thực hiện quyết định số 12/2010/QĐ-TTg ngày 12/2/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc gia hạn nộp thuế TNDN nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tuy có ảnh hưởng đến thu ngân sách nhưng nhìn chung tổng thu ngân sách thành phố hoàn thành và vượt dự toán được UBND Tỉnh và HĐND thành phố giao. Một số khoản thu tập trung đạt cao như thu DNNN địa phương, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thu tiền sử dụng đất, thu tại xã...

Chi Ngân sách Thành phố cơ bản thực hiện theo dự toán được giao và đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ phát sinh đột xuất của thành phố.

Năm 2014 là năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách 2011-2015. Tình hình kinh tế của cả nước cũng như địa phương trong bối cảnh đang hết sức khó khăn. Do đó UBND thành phố yêu cầu các ngành, đơn vị nỗ lực, phấn đấu quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2014./.

3. Một số giải pháp chủ yếu trong năm 2014.

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh, hộ cá thể, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực tài chính nhằm phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt chính sách đảm bảo an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới.

2. Huy động tối đa các nguồn thu ngân sách Nhà nước, động viên các ngành địa phương phấn đấu tăng thu, thu đúng và thu kịp thời các khoản thu vào NSNN theo các quy định của Luật thuế và chế độ thu nộp của Nhà nước. Tích cực thu nợ đọng thuế, kiểm tra, thanh tra chống thất thu thuế, triển khai kịp thời, chỉ đạo thường xuyên liên tục việc thực hiện kế hoạch thu tiền sử dụng đất, phấn đấu hoàn thành dự toán thu Ngân sách 2015.

3. Rà soát lại nguồn thu ở các địa phương xã, phường, tích cực thu ở các lĩnh vực ngành nghề khác để có điều kiện bù đắp phần giảm thu do thực hiện chính sách miễn, giảm, giãn thời hạn nộp thuế, tăng cường kiểm tra việc kê khai, quyết toán thuế, thực hiện các biện pháp để chống thất thu NSNN.

4. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện các Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh về quản lý vốn đầu tư XDCB, khắc phục nợ đọng XDCB, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, sắp xếp bố trí sử dụng kinh phí ngân sách tiết kiệm, đảm bảo cân đối thu chi ngân sách.

5. Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định về niêm yết giá, quản lý giá, phí, lệ phí, tăng cường công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2014 của UBND Thành phố Đồng Hới, UBND Thành phố kính báo cáo./

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Phòng TCKH;
- Lưu VP HĐND-UBND.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



TRẦN ĐÌNH DINH

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2014

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 214/BC-UBND ngày 41 tháng 3 năm 2015 của UBND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện năm 2013	DT năm 2014		TH đến ngày 31/11	Thực hiện năm 2014	ƯTH so với (%)		
		Tỉnh giao	TP giao			Tỉnh giao	TP giao	Năm 2013
Tổng thu ngân sách trên địa bàn	397.097	449.900	487.203	522.621	588.505	130,81	120,79	148,20
A. Tổng các khoản thu cân đối	358.114	427.900	438.931	507.041	560.463	130,98	127,69	156,50
<i>Thu trong cân đối (Trừ SD đất)</i>								
1. Thu DNNN địa phương	1.296	2.000	2.000	2.976	3.136	156,80	156,80	241,98
2. Thu CTN DV NQD	75.959	80.000	80.000	74.238	82.086	102,61	102,61	108,07
3. Lệ phí trước bạ	56.607	58.000	58.500	53.737	59.159	102,00	101,13	104,51
- Lệ phí trước bạ ô tô xe máy								
- Trước bạ nhà đất								
4. Thuế SD đất phi nông nghiệp)	4.576	5.000	5.500	6.034	6.404	128,08	116,44	139,95
5. Thu tiền CQKT khoáng sản				480	480			
6. Tiền sử dụng đất	199.203	261.000	261.000	344.188	378.899	145,17	145,17	190,21
- Trên địa bàn xã		70.000	70.000			0,00	0,00	
- Trên địa bàn phường		191.000	191.000			0,00	0,00	
7. Tiền thuê đất	3.189	4.200	7.000	3.499	4.035	96,07	57,64	126,53
8. Thu phí và lệ phí	3.248	2.000	3.024	3.000	4.348	217,40	143,78	133,87
- Thành phố thu	769		850					
- Xã, phường thu	2.479		2.174					
9. Thuế thu nhập cá nhân	9.070	9.000	9.100	9.942	10.666	118,51	117,21	117,60
10. Thu tại xã	3.148	1.700	2.077	3.279	3.625	213,24	174,53	115,15
- Thu quỹ đất công ích								
- Các khoản thu khác								
11. Thu khác	1.818	5.000	10.730	5.668	7.625	152,50	71,06	419,42
- Thu xử phạt vi phạm HC			2.100	25	941			
- Thu xử phạt ATGT			2.500	800	1.077			
- Thu đấu giá kiốt chợ ĐH	997		5.730	4.693	4.693			
- Thu khác	821		400	150	914			
B. Thu chi theo mục tiêu	38.983	22.000	48.272,0	15.580,0	28.042,0	127,46	58,09	71,93
- Thu học phí	4.959		5.166		5.165		99,98	104,15
- Thu đóng góp của nhân dân	11.231		11.660		7.659		65,69	68,20
- Thu phạt ATGT	3.096							0,00
- Thu phạt TTĐT	965							0,00
- Thu khác không cân đối	518		1.973		83		4,21	16,02
- Chi phí XD hạ tầng tạo nguồn quỹ đất	18.214		29.473,0		15.135		51,35	83,10

10/11

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2014

(Phụ lục kèm theo báo cáo số 21 /BC-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2015 của UBND thành phố)

DVT: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2014	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2014	So sánh TH2014/DT20 14
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TP (A+B+C+D)	549 995 736 067	545 907 294 215	99,26
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	348 879 177 451	371 694 320 000	106,54
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	78 696 000 000	107 131 000 000	136,13
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	264 883 177 451	261 331 319 500	98,66
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	11 343 803 000	10 800 370 049	95,21
1.1	Sự nghiệp thủy lợi, công, nông, thương	9 013 456 000	8 470 024 049	93,97
1.1.1	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	897 000 000	897 000 000	100,00
1.1.2	Thủy lợi, nông nghiệp	300 000 000	300 000 000	100,00
1.1.3	Kinh phí thực hiện chính sách để án rau an toàn	100 000 000	100 000 000	100,00
1.1.4	Chi trợ giá giống lúa	400 000 000	400 000 000	100,00
1.1.5	Thực hiện các chính sách của tp	300 000 000	300 000 000	100,00
1.1.6	Trung tâm khuyến nông + PC khuyến nông viên (3xã*0,6*1150ngàn + Hội làm vườn)	587 421 000	587 421 000	100,00
1.1.7	Kinh phí xây dựng các mô hình	100 000 000	100 000 000	100,00
1.1.8	Kinh phí tập huấn đào tạo chuyển giao KHKT nông nghiệp	50 000 000	50 000 000	100,00
1.1.9	Phòng kinh tế	714 477 000	714 477 000	100,00
1.1.10	Phụ cấp cán bộ thú y xã, phường 14người*1,0*1150ngàn*12T (Phòng kinh tế)	193 200 000	193 200 000	100,00
1.1.11	Ban quản lý rừng phòng hộ	612 284 000	612 284 000	100,00
1.1.12	BQL các bãi tắm biển thành phố	499 442 000	499 442 000	100,00
1.1.13	KP học tập kinh nghiệm	300 000 000	300 000 000	100,00
1.1.14	Kinh phí phòng chống bão lụt	50 000 000	28 300 000	56,60
1.1.15	Mua sắm, sửa chữa tài sản	2 545 000 000	2 043 012 049	80,28
1.1.16	Kinh phí quy hoạch	300 000 000	300 000 000	100,00
1.1.17	Sự nghiệp lâm nghiệp	100 000 000	80 256 000	80,26
1.1.18	Sự nghiệp khác	964 632 000	964 632 000	100,00
-	Cấp bù chi phí tổ chức đấu giá theo hợp đồng và chi phí Hội đồng thực hiện thủ tục ĐGQSD đất	150 000 000	150 000 000	100,00
-	KP phục vụ công tác chống thất thu	100 000 000	100 000 000	100,00
-	Hội đồng về dịch vụ công ích	120 000 000	120 000 000	100,00
-	TT phát triển cụm CN	270 648 000	270 648 000	
-	Hỗ trợ Trung tâm phát triển quỹ đất	323 984 000	323 984 000	100,00
1.2	Sự nghiệp giao thông, XD	1 391 124 000	1 391 124 000	100,00
1.2.1	Đội quy tắc đô thị	891 124 000	891 124 000	100,00
1.2.2	Hỗ trợ cộng tác trật tự đô thị Tp, xã phường	300 000 000	300 000 000	100,00
1.2.3	Các hoạt động tuyên truyền, chỉnh trang đô thị	200 000 000	200 000 000	100,00
1.3	Kiến thiết thị chịnh	413 222 000	413 222 000	100,00
1.3.1	Trung tâm công viên cây xanh	413 222 000	413 222 000	100,00
1.4	Chi thực hiện trồng rừng phòng hộ	526 000 000	526 000 000	100,00
2	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	152 027 000 000	151 821 203 000	99,86
2.1	Trong đó: Kinh phí Thi đua khen thưởng	1 300 000 000	1 300 000 000	100,00
2.2	Tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi	81 000 000	50 760 000	62,67
2.3	Biên chế chưa giao so với biên chế tỉnh	486 163 000	486 163 000	100,00

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2014	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2014	So sánh TH2014/DT20 14
2.4	Chi hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi các trường	31 248 000	31 248 000	100,00
2.5	Chi hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng	480 000 000	480 000 000	100,00
2.6	Sự nghiệp giáo dục khác	299 405 000	299 405 000	100,00
2.7	Mua sắm, sửa chữa tài sản và chi khác	2 013 000 000	2 013 000 000	100,00
2.8	Kinh phí đào tạo	600 000 000	424 443 000	70,74
3	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	7 676 796 000	7 676 796 000	100,00
4	SỰ NGHIỆP TN MÔI TRƯỜNG	31 271 224 000	31 271 224 000	100,00
4.1	VP Đăng ký quyền sử dụng đất	691 224 000	691 224 000	100,00
4.2	Dịch vụ đô thị	30 500 000 000	30 500 000 000	100,00
4.3	SN tài nguyên môi trường	80 000 000	80 000 000	100,00
5	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	3 590 441 000	3 590 441 000	100,00
5.1	Trung tâm văn hóa thông tin	545 441 000	545 441 000	100,00
5.2	Kinh phí bán pháo hoa			
5.3	Tổ chức các ngày lễ lớn của thành phố	450 000 000	450 000 000	100,00
5.4	KP tổ chức các hđ 410 năm ht tỉnh QB, 10 năm tđ TP, Tuần VH DL 2014	2 400 000 000	2 400 000 000	100,00
5.5	Hoạt động đội 814	20 000 000	20 000 000	100,00
5.6	Văn hóa - thể dục thể thao	25 000 000	25 000 000	100,00
5.7	Kinh phí đại hội TĐTT	150 000 000	150 000 000	100,00
6	SN PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	851 133 000	851 133 000	100,00
6.1	Đài phát thanh truyền hình	851 133 000	851 133 000	100,00
7	SN THỂ DỤC THỂ THAO	340 308 000	340 308 000	100,00
7.1	Trung tâm thể dục thể thao	340 308 000	340 308 000	100,00
8	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	13 263 572 000	13 263 572 000	100,00
9	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	25 793 407 000	25 518 012 000	98,93
9.1	Chi hoạt động của CQ Đảng, tổ chức chính trị XH	8 139 796 000	8 139 796 000	100,00
9.1.1	Thành ủy: Chi lương + hoạt động	6 092 347 000	6 092 347 000	100,00
9.1.2	Thành ủy: Kinh phí thực hiện chế độ theo QĐ 07	1 173 900 000	1 173 900 000	100,00
9.1.3	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	523 549 000	523 549 000	100,00
9.1.4	Chi phục vụ công tác chuẩn bị đại hội Đảng các cấp đợt 1	200 000 000	200 000 000	100,00
9.1.5	Hỗ trợ khác	150 000 000	150 000 000	100,00
9.2	Chi quản lý Nhà nước	13 226 946 000	12 951 551 000	97,92
9.2.1	Lương và chi hoạt động	11 366 946 000	11 366 946 000	100,00
9.2.2	Kinh phí hoạt động trang WEB và Trung tâm một cửa liên thông	150 000 000	150 000 000	100,00
9.2.3	KP thực hiện các nhiệm vụ của UBND	100 000 000	100 000 000	100,00
9.2.4	Tuyên truyền phổ biến GD pháp luật	80 000 000	80 000 000	100,00
9.2.5	KP rà soát hệ thống văn bản QPPL	15 000 000	15 000 000	100,00
9.2.6	Công tác thanh tra thành phố + trang cấp đồng phục thanh tra	55 000 000	55 000 000	100,00
9.2.7	Công tác tiếp dân & giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo	70 000 000	70 000 000	100,00
9.2.8	Công tác tài chính thành phố	60 000 000	60 000 000	100,00
9.2.9	KP hội đồng thẩm định TS và tổ tụng hình sự	15 000 000	15 000 000	100,00
9.2.10	Phòng lao động TBXH: Đội kiểm tra liên ngành 178	15 000 000	15 000 000	100,00
9.2.11	Thi đua khen thưởng	1 200 000 000	924 605 000	77,05
9.2.12	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	100 000 000	100 000 000	100,00
9.3	Hỗ trợ hội đoàn thể	4 066 665 000	4 066 665 000	100,00
9.3.1	Lương và chi hoạt động	3 906 665 000	3 906 665 000	100,00
9.3.2	Công tác vì tiến bộ phụ nữ (phòng lao động)	10 000 000	10 000 000	100,00

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2014	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2014	So sánh TH2014/DT20 14
9.3.3	KP đại hội các hội đoàn thể	150 000 000	150 000 000	100,00
9.4	Các ban chỉ đạo	360 000 000	360 000 000	100,00
10	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG ĐỊA PHƯƠNG	5 227 130 000	3 596 282 000	68,80
10.1	Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	250 000 000	250 000 000	100,00
10.2	Chi ATGT	2 500 000 000	869 152 000	34,77
10.3	Chi quốc phòng	1 500 000 000	1 500 000 000	100,00
10.4	Đại đội pháo 37mm	947 130 000	947 130 000	100,00
10.5	Hỗ trợ KP hoạt động Đồn biên phòng 196	30 000 000	30 000 000	100,00
11	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	11 748 173 451	11 205 838 451	95,38
11.1	Đoàn ra đoàn vào	1 300 000 000	1 300 000 000	100,00
11.2	Tòa án 30tr, Viện kiểm sát xét xử lưu động 20tr	50 000 000	50 000 000	100,00
11.3	Thống kê (XD niêm giám thống kê)	20 000 000	20 000 000	100,00
11.4	Xây dựng các đề án	100 000 000	8 000 000	8,00
11.5	Vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH cho vay	100 000 000	100 000 000	100,00
11.6	KP KSK cán bộ(Bệnh viện đa khoa TP)	231 000 000	231 000 000	100,00
11.7	Hỗ trợ công đoàn thành phố (liên đoàn lao động)	30 153 000	30 153 000	100,00
11.8	Chi khác	912 020 451	912 020 451	100,00
11.9	Hỗ trợ các đơn vị	100 000 000	100 000 000	100,00
11.10	Các hoạt động đón năm mới	500 000 000	500 000 000	100,00
11.11	KP thực hiện theo QĐ 99	1 875 000 000	1 875 001 000	100,00
11.12	KP làm việc với các sở, ban ngành	400 000 000	389 664 000	97,42
11.13	KP đầu tư hệ thống một cửa liên thông TP và xã, phường	400 000 000		0,00
11.14	KP xây dựng chợ (phân bổ sau)	5 730 000 000	5 690 000 000	99,30
12	DỰ PHÒNG CHI CHẾ ĐỘ MỚI TĂNG THÊM	330 000 000	20 950 000	6,35
13	KINH PHÍ HỖ TRỢ XD NHÀ VĂN HÓA (TP)	50 000 000	5 000 000	10,00
14	TIẾT KIEM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỂ LÀM LƯƠNG	570 190 000	570 190 000	100,00
15	HỖ TRỢ XÂY DỰNG TRỤ SỞ XÃ	800 000 000	800 000 000	100,00
16	DỰ PHÒNG BÙ HỤT THU			
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	5 300 000 000	3 232 000 500	60,98
B	CÁC KHOẢN THU CHI THEO MỤC TIÊU	36 612 000 000	20 893 822 000	57,07
1	Học phí	5 166 000 000	5 166 000 000	100,00
2	Thu phí và thu khác không cân đối	1 973 000 000	592 822 000	30,05
3	Chi phí xây dựng hạ tầng tạo nguồn quỹ đất	29 473 000 000	15 135 000 000	51,35
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	36 432 577 000	36 432 577 000	100,00
1	Chi bổ sung cân đối	16 666 531 000	16 666 531 000	100,00
2	Chi bổ sung có mục tiêu	19 766 046 000	19 766 046 000	100,00
D	CHI NGOÀI DỰ TOÁN	128 071 981 616	116 886 575 215	91,27
1	Tĩnh bổ sung có mục tiêu	80 306 155 066	73 403 264 066	91,40
2	Chi chuyển nguồn	37 757 285 350	37 407 794 350	99,07
	Chi đầu tư	11 480 755 850	11 480 755 850	100,00
	Chi thường xuyên	26 276 529 500	25 927 038 500	98,67
3	Chi tạm ứng ngân sách tỉnh	10.008.541.200	6.075.516.799	